

2023年CMSC島根チャレンジカップ受付リスト

整理番号	クラス	ゼッケン	氏名	車両型式	W
1	T28	1	中山 裕貴	CBA-Z27AG	
2	T28	2	高橋 一浩	DBA-ND5RC	
3	T28	3	西岡 良浩	5BA-NDERC	
4	T28	4	湊 高貴	5BA-NDERC	
5	T28	5	西島 公一	4BA-ZC33S	
6	T28	6	武内 靖佳	3BA-ZN8	
7	RC	7	乃一 智久	E-PP1	
8	RC	8	ノダ マキネン	5BA-MXPA10	W
9	RC	9	星川 葉人	E-PP1	
10	RC	10	石川 晃	E-PP1	
11	RC	11	K A Z U Y A	E-EA11R	
12	R2	12	上久保 伸哉	ABA-API	
13	R2	13	片山 達也	GH-NA2	
14	R2	14	坂本 稔和	GF-FD3S	
15	R2	15	井上 直樹	E-DC2	
16	R2	16	板橋 巧司	1117	
17	R2	17	平口 勝久	DBA-ZN6	
18	R2	18	中本 信一	1117	
19	R2	19	乗本 佳樹	GF-NB8C	
20	R2	20	上程 恒夫	E-EF8	
21	R2	21	石井 拓	DH-NB8C	
22	R2	22	影山 幸輝	E-FD3S	
23	R4	23	山下 和実	GF-CP9A	
24	R4	24	丸岡 茂	4BA-GXPA16	
25	R4	25	中原 敏之	GH-CT9A	
26	R4	26	天満 剛	GH-CT9A	
27	R4	27	日高 洋	GH-GDB	
28	R4	28	川上 智久	GF-CT9A	
29	PN2	29	高屋 隆一	DBA-ND5RC	W
30	PN2	30	小田 雅史	5BA-MXPA10	W
31	PN2	31	森田 篤	5BA-ND5RC	
32	PN2	32	馬場 慎太郎	5BA-ND5RC	
33	PN2	33	下山 昴晃	DBA-ND5RC	
34	PN2	34	Tomohide	5BA-ND5RC	
35	PN2	35	西村 優輝	5BA-ND5RC	
36	PN2	36	原紺 康治	DBA-ND5RC	
37	PN2	37	井上 賢二	5BA-MXPA10	
38	PN2	38	片岡 一司	5BA-ND5RC	
39	PN2	39	宮川 弘基	ND5RC	
40	PN2	40	サスケ	NBA-ND5RC	W
41	PN2	41	柏 昇吾	5BA-ND5RC	
42	PN3	43	池澤 亮太	CBA-ZC33S	
43	PN3	44	田伏 雅樹	5BR-NDERC	
44	PN3	45	伊達 佑季	3BA-ZN8	
45	PN3	46	竹村 穰	3BA-ZN8	
46	PN3	47	荒木 真宏	3BA-ZN8	
47	PN3	48	有田 光徳	5BR-NDERC	
48	PN3	49	松村 正吾	3BA-ZN8	
49	PN3	50	宮部 貴盛	CBA-ZC33S	
50	PN3	51	内田 敦	5BR-NDERC	
51	BC2	42	藤井 雅裕	E-FD3S	W
52	BC2	52	阿部 政博	E-DC2	
53	BC2	53	岡 満香	E-FD3S	W
54	BC2	54	馬場 靖典	E-NB8C	
55	BC3	56	高橋 伸治	CBA-CZ4A	
56	BC3	57	藤木 誠	GH-GDB	
57	BC3	58	佃 真治	4BA-GXPA16	
58	F	55	足立 孝貴	ND5RC	W
59	F	59	上原 秀夫	3BA-NGX10	
60	F	60	河野 響史郎	5BA-ND5RC	
61	F	61	三次 勇太	DBA-NCEC	
62	F	62	今山 輝	GF-NB8C	
63	F	63	廣田 賢興	E-DC2	
64	F	64	奥山 蘭	ND5RC	W
65	FAT	65	乗本 和子	ABA-AUCHH	
66	FAT	66	木下 裕司	ABA-AWCZP	